

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST  
Ngày: 21/10/2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Ông Đặng Minh Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1982; HKTT: ấp 1, xã H, huyện P, tỉnh H; hiện cư trú tại: Công ty TNHH S, cụm sản xuất A, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1981; HKTT: ấp 1, xã H, huyện P, tỉnh H; hiện cư trú tại: số 769/76 C, tổ 27, khu 3, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 3 năm 2021, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Tấn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2005 tại xã H, huyện P, tỉnh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 89 quyền số I cấp ngày 18/7/2005). Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển đến Bình Dương làm công nhân, chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, ông T ghen tuông vô cớ, vợ

chồng không tôn trọng nhau. Bà L đã nhiều lần tạo điều kiện để vợ chồng thay đổi và hòa hợp nhưng không thành mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt nên bà L đã ly thân với ông T từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nay, bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà L và ông T có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 21/10/2001. Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Đối với Nguyễn Thị Cẩm T đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình làm việc ông T cho rằng bà L đã nghỉ làm công nhân và được hưởng tiền bảo hiểm xã hội nên yêu cầu bà L chia cho ông T 35.000.000 đồng. Bà L không đồng ý vì hiện vẫn đang làm công nhân tại công ty S, bà L không được lãnh tiền bảo hiểm gì và cũng không đồng ý chia cho ông Toàn.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Chứng minh nhân dân (photo chứng thực), Sổ hộ khẩu (photo chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh con (Bản sao).

Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2021, bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh H. Quá trình chung sống giữa ông T và bà L có mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 6/2020. Nguyên nhân mâu thuẫn ông T ghen nên ông T và bà L có cãi nhau, ông T có đánh bà L và bà L đã bỏ nhà đi từ tháng 6/2020 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nên thường xuyên cãi vã, chung sống không hạnh phúc nhưng ông T không đồng ý ly hôn, ông T yêu cầu bà L phải quay về nhà nói chuyện rõ ràng với ông T.

Về con chung: Ông T và bà L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Cẩm N, sinh năm 2006 và Nguyễn Cẩm T, sinh năm 2001. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, con có nguyện vọng theo ai thì người đó sẽ nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, nếu bà L muốn ly hôn với ông T bà L phải chia tiền bảo hiểm. Cụ thể, bà L làm công nhân công ty S nên được công ty đóng các loại bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Ông T cho rằng bà L đã nghỉ làm tại công ty trên và được hưởng tiền bảo hiểm khoảng 70.000.000 đồng, yêu cầu phải chia cho ông T ½ là 35.000.000 đồng thì mới đồng ý ly hôn do thời gian chung sống, ông T làm nghề tự do nuôi bà L và các con.

Về nợ chung: thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do.

Ông T không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L khởi kiện ông T yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; ông T hiện đang cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:**

Nguyên đơn bà Trần Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đề tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L trình bày cuộc sống chung với ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Ông T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do ghen tuông, áp lực kinh tế, trong lúc cãi vã ông T có đánh bà L, bà L đã bỏ nhà đi từ tháng 6/2020 nhưng ông T không đồng ý ly hôn. Nếu bà L muốn ly hôn phải chia tiền bảo hiểm của bà L cho ông T. Xét thấy, về nguyên nhân mâu thuẫn các đương sự trình bày có khác nhau nhưng việc ông T trình bày có sử dụng bạo lực với bà L khi vợ chồng mâu thuẫn cũng như thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc và đặt điều kiện phải chia tiền bảo hiểm mới ly hôn cho thấy rằng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Cẩm N, sinh năm 2006, ông T không đồng ý cho rằng con theo ai người đó sẽ nuôi. Tại bản tự khai ngày 27/4/2021, cháu N có nguyện vọng được sống với bà L. Xét thấy, cháu N là nữ giới, đang trong độ tuổi hình thành và phát triển nhân cách cần sự gần gũi chăm sóc của mẹ, bên cạnh đó cần tôn trọng nguyện vọng của cháu. Bà L hiện đang làm công nhân, có thu nhập đảm bảo việc nuôi con. Do đó, căn cứ vào mọi mặt nên Hội đồng xét xử giao

cháu N cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với Nguyễn Cẩm T đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung:

Bà L không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông T có yêu cầu bà L chia tiền bảo hiểm cho ông T là 35.000.000 đồng. Tòa án cho ông T thời hạn nếu có yêu cầu phải nộp trước thời điểm mở phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, hết thời hạn Tòa án quy định ông T không nộp và cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó yêu cầu của ông T không được xem xét theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 200, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với ông Nguyễn Tấn T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 19/5/2006 cho bà Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với Nguyễn Cẩm T, sinh năm 2001 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.
- Về nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

**2.** Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0051324 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS Tp. TDM;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Ái Ngân**